TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Q phúc**

Bản án số: 3127/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát Lên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2188/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3518/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 4451/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Tường L, sinh năm: 1980
Địa chỉ: số nhà 75/22/4/5/9 Đường X, Khu phố Y, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1977
Địa chỉ: số nhà 75/22/4/5/9 Đường X, Khu phố Y, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 9 năm 2023 và lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Tường L:

Bà và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/9/2009. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn về chuyện chi tiêu tài chính trong gia đình, do ông Q không phụ giúp bà tiền sinh hoạt phí và tiền học phí của các con khiến bà rất áp lực. Bà nhiều lần trao đổi nhưng ông Q không quan tâm, ngược lại còn lớn tiếng chửi mắng bà trước mặt các con khiến bà tổn thương tình cảm. Ngoài ra, ông Q còn có tính gia trưởng, thường ghen tuông vô cớ dẫn đến nhiều hành động kiểm soát sự riêng tư của bà, khi bà có ý kiến thì ông Q chửi mắng, xúc phạm bà trước mặt nhiều người làm bà mất uy tín. Mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài không khắc phục được nên vợ chồng không thể nói chuyện, chia sẻ lẫn nhau, đến tháng 6/2023 vợ chồng đã ly thân. Đến nay bà xác định không thể hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

Con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Phạm Đăng G, sinh ngày 12/10/2009, Nguyễn Phạm Đăng G1, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Phạm Tường G2, sinh ngày 29/4/2017. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con Nguyễn Phạm Đăng G, Nguyễn Phạm Đăng G1, yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Trẻ Nguyễn Phạm Tường G2 hiện do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và trẻ có nguyện vọng được sống cùng cha, để đảm bảo điều kiện sinh sống và học tập ổn định cho con bà L giao con cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn Q đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Tường L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Tường L được ly hôn ông Nguyễn Văn Q. Giao con chung tên

Nguyễn Phạm Đăng G, Nguyễn Phạm Đăng G1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q cấp dưỡng nuôi hai con 6.000.000 đồng/tháng; giao con Nguyễn Phạm Tường G2 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Bà L, ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn". Do bị đơn cư trú tại thành phố TĐ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Phía nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 09/9/2009 của Ủy ban nhân dân Phường S, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Tường L và ông Nguyễn Văn Q là hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q đã xảy ra những mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp. Bà L xác định vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Thời gian dài ông Q không lắng nghe các ý kiến và nguyện vọng của bà nên bà không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống. Đến nay bà L yêu cầu ly hôn và ông Q vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do đó yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn phù hợp với bản sao các giấy khai sinh số 170 ngày 04/7/2014, số 109 ngày 19/6/2013 cùng của Ủy ban nhân dân Phường S, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và trích lục khai sinh số 357/TLKS ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân phường LT, thành phố TĐ, đủ căn cứ xác định bà L và ông Q có ba con chung tên Nguyễn Phạm Đăng G, Nguyễn Phạm Đăng G1 và Nguyễn Phạm Tường G2.

Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế, trẻ G và trẻ G1 hiện tại đang sống với bà L, được chăm sóc tốt và bà L đủ điều kiện để tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con. Đối với trẻ G2 hiện tại đang sống cùng ông Q, bà L thừa nhận ông Q nuôi con tốt và đồng ý giao con cho ông Q tiếp tục nuôi

dưỡng, chăm sóc. Bị đơn ông Nguyễn Văn Q mặc dù vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung gửi đến Tòa án, tuy nhiên tại đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn trước đây ông Q bà L nộp cho Tòa án, ông Q thể hiện nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phạm Tường G2.

Căn cứ vào biên bản lấy ý kiến của trẻ G, G1 và G2 thể hiện trẻ G, G1 có nguyện vọng được sống với mẹ và trẻ G2 có nguyện vọng được sống với cha.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Căn cứ vào yêu cầu nuôi con của bà L, ông Q, cùng việc xem xét đến nguyện vọng của các con chung và tình hình thực tế; đồng thời để đảm bảo sự ổn định về điều kiện chỗ ở và học tập cho trẻ G, G1, G2 nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng hai con Nguyễn Phạm Đăng G, Nguyễn Phạm Đăng G1, giao cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Phạm Tường G2.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng và bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ G2 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của trẻ G, G1, G2 và mức thu nhập của ông Q, bà L, xét thấy mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/con là phù hợp, nên chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con G, G1 6.000.000 đồng/tháng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng nuôi trẻ G2.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn. Về án phí cấp dưỡng: Bà L, ông Q phải chịu tương ứng với phần nghĩa vụ cấp dưỡng của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83; 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Tường L về việc "Ly hôn" đối với ông Nguyễn Văn Q;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Tường L được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

1.2. Con chung:

Giao con Nguyễn Phạm Đăng G (nam), sinh ngày 12/10/2009, Nguyễn Phạm Đăng G1 (nam), sinh ngày 02/5/2013 cho bà Phạm Tường L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao con Nguyễn Phạm Tường G2 (nữ), sinh ngày 29/4/2017 cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi hai con chung (G, G1) mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Bà Phạm Tường L cấp dưỡng nuôi con chung (G2) mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 9/2024 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Tường L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Tường L có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Tường L phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0004854 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND Phường S, Quận H;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh